

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà hàng, trung tâm tổ chức sự kiện và tổ hợp thương mại dịch vụ tổng hợp tại xã Diễn Ngọc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà hàng, trung tâm tổ chức sự kiện và tổ hợp thương mại dịch vụ tổng hợp tại xã Diễn Ngọc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An và Công văn số 386/MP ngày 24/10/2022 của Công ty TNHH Cơ khí nông nghiệp Minh Phú về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 6775/STNMT-BVMT ngày 27/10/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà hàng, trung tâm tổ chức sự kiện và tổ hợp thương mại dịch vụ tổng hợp tại xã Diễn Ngọc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An (sau đây gọi là Dự án) do Công ty TNHH Cơ khí nông nghiệp Minh Phú làm chủ dự án (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Diễn Ngọc, huyện Diễn Châu với các nội dung, yêu cầu bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Diên Châu; Chủ tịch UBND xã Diên Ngọc; Giám đốc Công ty TNHH Cơ khí nông nghiệp Minh Phú và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (đề b/c);
- Phó Chủ tịch (NN) UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu VT.NN (V)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đệ

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN NHÀ HÀNG, TRUNG TÂM TỔ CHỨC SỰ KIỆN VÀ TỔ
HỢP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP TẠI XÃ DIỄN NGỌC,
HUYỆN DIỄN CHÂU, TỈNH NGHỆ AN**

(kèm theo Quyết định số 3366/QĐ-UBND ngày 31 / 10/2022

của UBND tỉnh Nghệ An)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Nhà hàng, trung tâm tổ chức sự kiện và Tổ hợp thương mại dịch vụ tổng hợp tại xã Diễn Ngọc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

- Địa điểm thực hiện dự án: xóm Ngọc Văn, xã Diễn Ngọc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

- Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Cơ khí nông nghiệp Minh Phú.

Đại diện: ông Nguyễn Ngọc Tam Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: xóm Ngọc Văn, xã Diễn Ngọc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi của dự án: thi công theo Quyết định số 1565/QĐ-UBND ngày 07/6/2022 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà hàng, Trung tâm tổ chức sự kiện và tổ hợp thương mại dịch vụ tổng hợp tại xã Diễn Ngọc, huyện Diễn Châu.

- Quy mô dự án:

+ Quy mô hoạt động: nhà hàng tổ chức sự kiện, hội nghị kết hợp nhà hàng khoảng 500 lượt khách/ngày; tổ hợp thương mại dịch vụ giải trí tổng hợp khoảng 100 lượt khách/ngày; nhà hàng ẩm thực khoảng 100 khách/ngày; thiết bị máy móc phụ tùng nông lâm ngư nghiệp, hàng tiêu dùng cho xã hội 20 máy/năm.

+ Quy mô xây dựng: tổng diện tích của dự án 12.683,59 m².

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.3.1. Các hạng mục công trình

a. Các hạng mục công trình chính:

- Tổ hợp thương mại, dịch vụ giải trí tổng hợp, diện tích 860 m²;
- Nhà hàng ẩm thực (4 nhà), diện tích 224 m²;
- Nhà tổ chức sự kiện, diện tích 1.602 m²;
- Nhà nghỉ cán bộ công nhân viên, diện tích 250 m²;
- Nhà văn phòng, điều hành làm việc, diện tích 250 m²;
- Nhà bếp và ăn cán bộ công nhân viên, diện tích 250 m²;
- Nhà bếp và vệ sinh cho khu ẩm thực, diện tích 129,6 m²;

- Thiết bị máy móc phụ tùng nông lâm ngư nghiệp, hàng tiêu dùng, diện tích 757 m².

b. Các hạng mục phụ trợ:

- Cổng vào;
- Nhà bảo vệ, diện tích 15 m²;
- Trạm bơm phòng cháy chữa cháy, máy phát, diện tích 84 m²;
- Trạm biến áp, diện tích 9 m²;
- Vườn tiêu cảnh, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và phụ trợ.

c. Các hạng mục bảo vệ môi trường:

- Hệ thống thu gom nước thải B300 - B500, chiều dài 378m;
- Hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn B400, chiều dài 1.098m;
- Hồ ga thăm thu nước thải trong hệ thống thu gom nước mưa (kích thước mỗi hố 1m x 1m x 1,2m): 15 hố;
- Hồ ga thăm thu nước mưa trong hệ thống thu gom nước thải (kích thước mỗi hố 1m x 1m x 1,2m): 45 hố;
- Bể tự hoại, 08 bể, dung tích 160 m³;
- Bể tách dầu, 02 bể, dung tích 20 m³;
- Thùng chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại: 68 thùng;
- Kho chất thải rắn sinh hoạt, tái chế và chất thải nguy hại: 20 m²;
- Hệ thống xử lý nước thải tập trung 20m³/ngày.đêm, diện tích 55 m²;
- Hệ thống hút mùi khu vực nấu ăn: 02 hệ thống.

1.3.2. Các hoạt động của dự án đầu tư

- *Giai đoạn xây dựng*

- + Bồi thường, san nền, giải phóng mặt bằng.
- + Bóc bùn đất hữu cơ.
- + Hoạt động thi công và vận chuyển, bốc dỡ nguyên vật liệu thi công xây dựng và đất đắp nền.
- + Hoạt động sinh hoạt của công nhân.
- + Rửa xe; rửa máy móc, dụng cụ thi công xây dựng.

- *Giai đoạn hoạt động:*

- + Hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào dự án.
- + Nấu ăn của khu vực bếp nấu.
- + Hoạt động kinh doanh dịch vụ thương mại, tổ chức sự kiện.
- + Hoạt động của máy phát điện dự phòng.
- + Hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.
- + Hoạt động chạy thử của máy móc nông lâm ngư nghiệp.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có diện tích 12.004,15m² đất nông nghiệp trồng lúa nước 2 vụ (LUC), đầu trồng hoa màu (BHK) với của 53 hộ dân xóm Ngọc Văn, xã Diên Ngọc, huyện Diên Châu phải thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất trình Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An phê duyệt.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

TT	Hạng mục	Hoạt động	Tác động xấu đến môi trường
I	Hạng mục công trình chính	- Giai đoạn xây dựng	- Giai đoạn thi công:
1	Tổ hợp thương mại, dịch vụ giải trí tổng hợp	+ San nền.	+ Nước thải: nước thải xây dựng; nước thải sinh hoạt; nước mưa chảy tràn.
2	Nhà hàng ẩm thực	+ Thi công và vận chuyển nguyên vật liệu thi công xây dựng và đất đắp.	+ Bụi, khí thải, tiếng ồn;
3	Nhà tổ chức sự kiện	+ Sinh hoạt của công nhân.	+ Chất thải rắn: đất bóc hữu cơ; chất thải rắn xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt;
4	Nhà nghỉ cán bộ công nhân viên	+ Rửa xe; rửa máy móc, dụng cụ thi công xây dựng.	+ Chất thải nguy hại.
5	Nhà văn phòng, điều hành làm việc	- Giai đoạn hoạt động:	- Giai đoạn hoạt động:
6	Nhà bếp và ăn cán bộ công nhân viên	+ Phương tiện giao thông ra vào dự án.	+ Bụi, khí thải, tiếng ồn
7	Nhà bếp và vệ sinh cho khu ẩm thực	+ Nấu ăn.	+ Nước thải sinh hoạt.
8	Thiết bị máy móc phụ tùng nông lâm ngư nghiệp, hàng tiêu dùng	+ Kinh doanh dịch vụ thương mại, tổ chức sự kiện.	+ Nước mưa chảy tràn.
II	Hạng mục phụ trợ	+ Kinh doanh thiết bị máy móc phụ tùng nông lâm ngư nghiệp, hàng tiêu dùng.	+ Chất thải rắn, chất thải nguy hại.
9	Cổng vào, nhà bảo vệ		
10	Trạm bơm phòng cháy chữa cháy, máy phát, trạm biến áp		
11	Vườn tiêu cảnh, công trình phụ trợ		
III	Hạng mục bảo vệ môi trường		
12	Hệ thống thu gom nước thải, hố ga		
13	Hệ thống thu gom nước mưa, hố ga		
14	Bể tự hoại, bể tách dầu, hệ thống xử lý nước thải tập trung		
15	Kho, thùng chất thải rắn, chất thải nguy hại		

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

a. Giai đoạn xây dựng

- Nước mưa chảy tràn:
- + Quy mô: 1.078 m³/ngày;
- + Thành phần chủ yếu nước mưa chảy tràn cuốn theo chất rắn lơ lửng trên bề mặt, đất, đá, ...
- Nước thải sinh hoạt:
- + Quy mô: 1,5 m³/ngày;
- + Thành phần: chủ yếu gồm các chất cặn bã, chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật gây bệnh.
- Nước thải xây dựng:
- + Quy mô: 6,5 m³/ngày;
- + Thành phần: nước thải thi công chứa nhiều cặn lơ lửng, vôi vữa, xi măng, có độ pH cao.

b. Giai đoạn hoạt động

- Nước mưa chảy tràn:
- + Quy mô: 1.078 m³/ngày;
- + Thành phần: chủ yếu nước mưa chảy tràn cuốn theo chất rắn lơ lửng trên bề mặt, đất, đá,....
- Nước thải sinh hoạt:
- + Quy mô: từ nhân viên và khách hàng từ hoạt động của dự án với 17,2m³/ngày.đêm;
- + Thành phần: chủ yếu gồm các chất cặn bã, chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật gây bệnh.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải

a. Bụi, khí thải

b.1. Giai đoạn xây dựng

- + Quy mô: bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động phá dỡ, đào đắp, san nền, tập kết nguyên vật liệu, phương tiện vận chuyển, rải thảm nhựa tuyến đường giao thông, từ hoạt động của máy móc, thiết bị vận tải, thi công tại công trường.

+ Thành phần: chủ yếu bụi, NO₂, SO₂, CO, VOC,...

b.2. Giai đoạn vận hành dự án

+ Quy mô: bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động giao thông, máy phát điện dự phòng, hoạt động nấu nướng; mùi từ khu chứa rác thải sinh hoạt, hệ thống xử lý nước thải;

+ Thành phần: SO₂, NO_x, CO₂, NH₃, H₂S, CH₄,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn

a. Giai đoạn thi công xây dựng

* Chất thải rắn sinh hoạt từ công nhân trên công trường:

+ Quy mô: 15 kg/ngày;

+ Thành phần gồm: chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế (có nguồn gốc từ nhựa, kim loại); chất thải thực phẩm (rau, củ quả, thức ăn thừa); chất thải rắn sinh hoạt khác (nylon, hộp xốp, giấy vụn, bìa catton, vỏ chai thủy tinh,...).

* Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật được sử dụng trong sản xuất vật liệu xây dựng và san lấp mặt bằng:

+ Quy mô: bùn đất hữu cơ bề mặt khu đất với quy mô 2.321,9 m³; chất thải rắn từ quá trình đào hố móng khoảng 90,65 tấn; chất thải rắn từ quá trình thi công xây dựng khác khoảng 4,5 m³/suốt quá trình xây dựng;

+ Thành phần: chủ yếu bùn đất hữu cơ bề mặt, đất đào hố móng, nguyên vật liệu rơi vãi,...

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý:

+ Quy mô: 5 - 10kg/ngày.

+ Thành phần: các loại bao bì xi măng, thép dư thừa, các mẫu dây điện thừa, hộp đựng keo dính,...

b. Giai đoạn vận hành dự án

* Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Quy mô: 231 kg/ngày;

+ Thành phần: chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế (có nguồn gốc từ nhựa, kim loại); chất thải thực phẩm (rau, củ quả, thức ăn thừa); chất thải rắn sinh hoạt khác (nylon, hộp xốp, giấy vụn, bìa catton, vỏ chai thủy tinh,...).

* Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Loại có khả năng tái sử dụng, tái chế:

+ Quy mô: 5 – 7 kg/ngày;

+ Thành phần: bao bì, thùng carton, thùng gỗ đựng máy móc, phụ tùng máy nông nghiệp, nylon, nhựa, kim loại,...

- Loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý:

+ Quy mô: váng dầu mỡ từ bể tách dầu mỡ $0,3\text{m}^3/\text{đợt}$ vớt; bùn thải từ bể tự hoại: $0,6\text{m}^3/\text{đợt}$ hút; bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung: $1,4\text{ m}^3/\text{đợt}$ hút;

+ Thành phần: váng dầu mỡ, bùn thải.

3.2.2. Chất thải nguy hại

- Giai đoạn xây dựng:

+ Quy mô: 2 - 3 kg/tháng;

+ Thành phần: bao gồm bóng đèn huỳnh quang hỏng, pin - acquy, giẻ dính dầu mỡ, dầu mỡ thải, các vỏ thùng sơn chứa các chất thải nguy hại...

- Giai đoạn hoạt động:

+ Quy mô: 2 - 3 kg/tháng;

+ Thành phần: bao gồm bóng đèn huỳnh quang hỏng, pin - acquy, giẻ dính dầu mỡ, dầu mỡ thải,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

a. Giai đoạn xây dựng

- Tiếng ồn: do hoạt động của các phương tiện vận chuyển và thi công (máy xúc, máy trộn bê tông, xe tải...). Theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn ở khu vực thông thường từ 6h-21h là 70dBA, từ 21-6h là 55dBA.

- Độ rung: hoạt động của các loại máy móc lớn thi công san lấp, vận chuyển nguyên vật liệu. Theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT giới hạn tối đa cho phép về độ rung ở khu vực thông thường từ 6h-21h là 70dB, 21h-6h là mức nền.

b. Giai đoạn vận hành: tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các phương tiện giao thông; hoạt động của khu thương mại, máy phát điện. Theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn ở khu vực thông thường từ 6h-21h là 70dBA, từ 21-6h là 55dBA. Theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT giới hạn tối đa

cho phép về độ rung ở khu vực thông thường từ 6h-21h là 70dB, 21h-6h là 60dB.

3.4. Các tác động khác

*** Giai đoạn xây dựng**

- Đánh giá tác động của việc chiếm dụng đất: việc triển khai dự án làm thay đổi lâu dài mục đích sử dụng đất và việc đền bù, thu hồi đất có thể làm ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và đời sống dân cư trên địa bàn xã Diễn Ngọc, huyện Diễn Châu.

- Tác động đến kinh tế - xã hội: quá trình thi công và vận chuyển đất đắp, nguyên vật liệu xây dựng phát bụi và khí thải, ảnh hưởng tới các hộ dân hai bên đường và vấn đề đi lại của người tham gia giao thông.

- Tác động đến hệ sinh thái: xây dựng cơ sở hạ tầng và các công trình kiến trúc dẫn đến hệ thực vật ở đây bị suy giảm đồng thời những động vật sống trong môi trường này sẽ phải di dời đi nơi khác.

- Ngập úng cục bộ: giai đoạn thi công mặt bằng dự án chưa được bê tông hoá. Do vậy, khi trời mưa to nước mưa có thể gây ngập úng tại khu vực Dự án.

*** Giai đoạn vận hành dự án**

- Ô nhiễm nhiệt: sử dụng máy điều hòa không khí sẽ gây tác động tới môi trường như: nhiệt dư từ dàn nóng máy điều hòa thải vào môi trường sẽ làm nhiệt độ môi trường không khí tăng cao gây ô nhiễm nhiệt.

- Giao thông khu vực: làm gia tăng mật độ xe trên tuyến đường vận chuyển trong khu vực, mặt khác còn làm xuống cấp tuyến đường và tăng khả năng xảy ra tai nạn giao thông trên các tuyến đường này.

- Tác động đến hệ sinh thái lưu vực tiếp nhận nước thải:

+ Chất lượng nước sông Bùng tại khu vực có khả năng bị biến đổi do các thành phần bị ô nhiễm trong nước thải của dự án.

+ Gây ngập lụt khu vực dự án trong trường hợp mưa lũ lớn và kéo dài chưa thoát kịp.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt:

+ Lắp đặt 01 nhà vệ sinh di động trong khu vực thi công để phục vụ cho công nhân. Kích thước 1 nhà vệ sinh: 95 x 130 x 250 (cm). Vật liệu: composite nguyên khối. Có thể tích bồn nước 700 lít và bồn phân 700 lít.

+ Xây dựng mương thu gom nước thải trong dự án có lắp đặt song chắn rác để thu gom nước thải từ quá trình rửa tay chân về bể lắng; xây dựng bể lắng lọc 2 ngăn (ngăn lắng và ngăn lọc cát) để lọc sạch các chất lơ lửng, cặn lắng trước khi chảy ra nguồn tiếp nhận.

- Nước thải xây dựng: xây dựng bể lắng lọc 2 ngăn (ngăn lắng và ngăn lọc cát) bố trí tại khu vực thi công trước cổng ra vào dự án thể tích 8 m³ (2m×2m×2m) để lắng cặn trước khi thoát vào mương thoát nước của khu vực.

- Nước mưa chảy tràn:

+ Xây dựng mương thu gom nước mưa nội bộ bằng công hộp B400 dài 1.098m dọc tuyến đường nội bộ để thu gom nước mưa theo hướng thấp dần từ Tây Bắc sang Đông Nam. Trên hệ thống mương thoát nước mưa bố trí 45 hố ga tạm có kích thước D×R×C = 0,5m×0,5m×0,5m.

+ Vệ sinh mặt bằng thi công cuối ngày làm việc, thu gom rác thải, không để rò rỉ xăng dầu;

+ Không tập trung các loại nguyên nhiên vật liệu gần, cạnh các tuyến thoát nước;

+ Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông không để phế thải xây dựng xâm nhập vào đường thoát nước gây tắc nghẽn;

+ Ưu tiên thi công các công trình thoát nước trước, các công trình này hoàn thiện trước mùa mưa;

+ Thi công gọn từng hạng mục, làm đến đâu xong đến đó, đảm bảo nền đất đá, gia cố taluy đường;

+ Nước mưa chảy theo độ dốc địa hình tập trung vào vùng trũng, chảy vào tuyến mương đất phía Đông khu vực rồi thoát ra hướng sông Bùng.

b. Giai đoạn hoạt động

- Đối với nước thải sinh hoạt

+ Xây dựng 08 bể tự hoại, mỗi bể dung tích 20m³ dưới móng các hạng mục công trình chính để thu gom nước thải từ nhà vệ sinh để xử lý sơ bộ trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Xây dựng 02 bể tách dầu, mỗi bể dung tích 10m³ dưới móng công trình nhà bếp để thu gom nước thải từ khu vực bếp để xử lý sơ bộ trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Xây dựng mương thu gom nước thải nội bộ bằng cống hộp B300 dài 378m thu gom nước thải nội bộ dự án chảy về Trạm xử lý nước thải tập trung. Trên hệ thống mương thoát nước bố trí 15 hố ga tạm có kích thước $D \times R \times C = 0,5m \times 0,5m \times 0,5m$.

+ Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 20 m³/ngày.đêm để xử lý nước thải sau bể tự hoại và bể tách dầu đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi thoát ra kênh tiêu thoát nước xã Diễn Ngọc phía Đông dự án và đổ ra sông Bùng.

+ Quy trình công nghệ xử lý nước thải: nước thải từ bể tự hoại, nước thải từ khu vực nhà ăn (đã được dẫn qua bể tách dầu mỡ), nước rửa tay... → hệ thống mương thu gom (bố trí các hố ga) → bể điều hòa → bể thiếu khí → bể hiếu khí → bể MBR → bể chứa nước sau xử lý → đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, chảy ra nguồn tiếp nhận là sông Bùng.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X= 2101430(m); Y = 589003 (m).

(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104⁰45' múi chiếu 3⁰)

+ Quy chuẩn: cột A, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt

+ Phương thức xả nước thải: tự chảy.

+ Chế độ xả nước thải: xả liên tục, 24/24 giờ.

+ Lưu lượng nước xả thải: 20 m³/ngày.đêm

- Đối với nước mưa chảy tràn:

+ Sử dụng mương thu gom nước mưa chảy tràn đã xây dựng ở giai đoạn xây dựng để phục vụ thu gom nước mưa dự án giai đoạn hoạt động.

+ Lắp đặt hệ thống máng hứng nước mưa trên mái các công trình để thu gom nước mưa trên mái dẫn về mương thu gom nước mưa nội bộ đã xây dựng.

+ Mương thủy lợi:

Thỏa thuận với UBND xã Diễn Ngọc tại văn bản số 96/UBND xã ngày 08/9/2022 xây dựng tuyến mương bê tông hình chữ L quy hoạch dài 270m và rộng 0,8m bằng bê tông cốt thép phía Đông và phía Nam dự án để hoàn trả cho nhân dân xã Diễn Ngọc và để thu gom nước thải dự án sau xử lý chảy về sông Bùng.

Vị trí mương: hình chữ L chạy dọc theo tuyến đường giao thông nội đồng hoàn trả cho UBND xã Diễn Ngọc quản lý.

+ Định kỳ nạo vét mương thu gom nước mưa chảy tràn để tránh xảy ra ngập úng nội bộ 1 năm/lần.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a. Giai đoạn xây dựng

- Giảm thiểu bụi từ công trường thi công:

+ Tưới ẩm khu vực thi công trong những ngày nắng; thường xuyên phun nước tại các sân bãi tập kết vật liệu xây dựng.

+ Lắp hàng rào tôn cao 3m phía Bắc và phía Tây khu vực dự án;

+ Lắp đặt lưới chắn bụi khi tiến hành thi công lên tầng cao công trình để giảm thiểu lượng bụi phát tán ra môi trường xung quanh.

+ Dọn vệ sinh khuôn viên dự án cuối ngày làm việc.

+ Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

- Giảm thiểu bụi từ hoạt động vận chuyển:

+ Xe chở vật liệu được phủ bạt kín thùng xe, chở đúng trọng tải và chạy đúng tốc độ.

+ Tưới ẩm tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu với tần suất tưới ẩm 2 lần/ngày vào những ngày thời tiết khô hanh, gió lớn.

+ Bố trí công nhân thu dọn các vật liệu rơi vãi tại khu vực cổng công trường ra đường quy hoạch 18m.

- Giảm thiểu tác động của khí thải của thiết bị thi công và phương tiện vận chuyển:

+ Tất cả các xe vận tải, thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường mới được phép hoạt động phục vụ dự án.

+ Phân phối lượng xe vận chuyển ra vào khu vực dự án, điều tiết các máy móc làm việc phù hợp tránh làm tăng nồng độ các chất ô nhiễm không khí.

b. Giai đoạn hoạt động

- Giảm thiểu bụi và khí thải do giao thông

+ Trồng cây xanh để hạn chế ô nhiễm không khí. Các loại cây sử dụng là xoài, bằng lăng... đảm bảo diện tích cây xanh theo quy hoạch đã được phê duyệt;

+ Bố trí công nhân hàng ngày quét dọn, vệ sinh sạch sẽ khuôn viên dự án;

+ Đặt các biển báo hạn chế tốc độ di chuyển của các phương tiện lưu thông trong dự án.

- Bụi và khí thải từ khu vực nhà bếp

+ Trong nhà bếp sử dụng các nhiên liệu đốt sạch như khí hóa lỏng, thiết bị dùng điện...;

+ Đối với nhà bếp của các hộ gia đình được trang bị bộ phận hút và lọc khói bếp trước khi thải ra môi trường.

- Bụi và khí thải từ máy phát điện: máy phát điện không sử dụng thường xuyên, chỉ sử dụng trong trường hợp mất điện lưới. Mua các máy phát điện dự phòng có trang bị hệ thống xử lý khí thải đạt các QCVN có liên quan.

- Mùi từ điểm tập kết rác thải sinh hoạt

+ Tăng cường tổ chức quét dọn sạch sẽ sân đường nội bộ và thu gom tập kết chất thải rắn về điểm tập kết chất thải đặt tại khu hạ tầng kỹ thuật. Rác thải được thu gom vận chuyển hàng ngày, không tập trung lâu ngày gây phân hủy làm phát sinh các loại khí thải như CH_4 , H_2S , NH_3 ... và mùi hôi thối vào môi trường không khí;

+ Tuyên truyền, nâng cao ý thức cho người dân về công tác bảo vệ môi trường.

- Giảm thiểu mùi hôi từ khu xử lý nước thải tập trung

+ Tất cả các bể được xây dựng ngầm, đò nắp kín bằng bê tông cốt thép, chỉ để lại các cửa thăm kích thước nhỏ có nắp đậy kín;

+ Thường xuyên kiểm tra hệ thống vận hành đúng thiết kế;

+ Thường xuyên theo dõi, kiểm soát quá trình hoạt động của hệ thống xử lý nước thải và phối hợp với đơn vị có chức năng để kiểm soát chất lượng nước thải đầu ra của hệ thống trước khi thải ra môi trường.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải sinh hoạt

a1. Giai đoạn xây dựng

* Đối với chất thải rắn sinh hoạt

- Bố trí 03 thùng dung tích 50 lít có nắp đậy, có màu khác nhau để phân loại rác tại nguồn, dán nhãn chất thải sinh hoạt trên nắp thùng đựng chất thải sinh hoạt. Phương án thu gom và xử lý chất thải rắn được thực hiện như sau:

+ Chất thải thực phẩm: chuyển cho các hộ gia đình và các đơn vị có nhu cầu sử dụng làm thức ăn gia súc, gia cầm hoặc làm phân bón theo quy định;

+ Chất thải rắn có thể tái sử dụng, tái chế như cốc nhựa, vỏ lon bia, nước ngọt, giấy, bìa carton... thu gom vào thùng đựng rồi định kỳ bán phế liệu;

+ Chất thải rắn sinh hoạt khác: thu gom vào thùng đựng hợp vệ sinh và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: phân loại chất thải tại nguồn như sau:

+ Nhóm chất thải rắn công nghiệp thông thường đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật được sử dụng trong sản xuất vật liệu xây dựng và san lấp mặt bằng bao gồm bùn đất hữu cơ bề mặt khu đất; chất thải rắn từ quá trình đào hồ móng; chất thải rắn từ quá trình thi công xây dựng khác được tận dụng san lấp mặt bằng khu đất dự án.

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý: gồm bao xi măng, sắt thép vụn, ván cốp pha, cọc chống hông trong và sau khi thi công... thu gom và bán phế liệu tần suất 1 tuần/lần.

a2. Giai đoạn hoạt động

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt:

+ Đối với rác thực phẩm (thức ăn thừa,...) tại nhà bếp được tập kết cho vào 05 thùng composite dung tích 200l, có nắp đậy, dán nhãn rác thực phẩm. Cuối ngày cho nhân dân địa phương hoặc bán cho cơ sở chăn nuôi mang về chăn nuôi gia súc.

+ Đối với chất thải có khả năng sử dụng, tái chế: đặt 30 thùng composites có nắp đậy dung tích 20 - 50l, dán nhãn chất thải tái chế tại các tầng tòa nhà và khu vực sân đường nội bộ. Cuối ngày đội vệ sinh thu gom về kho lưu giữ chất thải rắn và bán phế liệu mỗi tuần/lần.

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt khác: đặt 25 thùng composites có nắp đậy dung tích 20 - 50l, có dán nhãn chất thải sinh hoạt khác tại các tầng tòa nhà và khu vực sân đường nội bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt khác hợp đồng với đơn vị môi trường địa phương thu gom, vận chuyển và xử lý 01 lần/tuần.

+ Điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt chứa rác thải sinh hoạt có diện tích 10m² đặt tại khu trạm bơm phòng cháy chữa cháy, máy phát, nhà xử lý rác phía Đông dự án. Điểm tập kết có mái che; dán nhãn chất thải sinh hoạt; mặt sàn không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

+ Nhóm chất thải rắn công nghiệp thông thường được tái sử dụng, tái chế làm nguyên liệu sản xuất: chủ yếu bìa carton, bao bì, nilon, kim loại,... đóng gói

máy móc thiết bị, phụ tùng nông lâm ngư nghiệp được tập kết vào kho lưu giữ chất thải tái chế để thu gom bán phế liệu.

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý: váng dầu mỡ từ bể tách dầu mỡ được hút lên khi đầy bể; bùn thải từ bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải tập trung định kỳ nạo vét với tần suất 6 tháng/lần và được hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển xử lý, có biên bản bàn giao theo đúng quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Giai đoạn xây dựng

+ Chất thải nguy hại được thu gom và chứa vào 03 thùng chuyên dụng đựng chất thải nguy hại cho các mã, có nắp đậy để trong kho chứa chất thải riêng biệt. Các thùng phân loại chất thải nguy hại có tên, mã chất thải và biển cảnh báo đúng quy định; dán nhãn, mã chất thải cho từng loại, đồng thời treo biển cảnh báo theo đúng TCVN 6707:2009 chất thải nguy hại- dấu hiệu cảnh báo.

+ Giảm thiểu tối đa việc sửa chữa xe, máy móc phục vụ thi công tại khu vực dự án; dầu mỡ thải phát sinh (giẻ lau dính dầu, pin, ắc quy,...) được đơn vị thi công thu gom vào các thùng chứa đặt trong các thùng chứa chất thải nguy hại.

+ Sau thời gian lưu giữ chất thải 6 tháng, chủ đầu tư liên hệ với đơn vị có chức năng, đủ năng lực để vận chuyển xử lý theo quy định Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Giai đoạn vận hành

- Xây kho chất thải nguy hại diện tích 5m² đặt tại khu trạm bơm phòng cháy chữa cháy, máy phát, nhà xử lý rác phía Đông dự án.

- Lưu giữ: quy mô kho chứa và các yêu cầu kỹ thuật được xác định, bao gồm:

+ Kết cấu: nền cao, được lát xi măng và sơn chuyên dụng chống ăn mòn hóa chất. Có gờ cao để ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có rãnh thu nước rò rỉ xung quanh kho chứa. Việc thiết kế các ngăn chứa trong kho chất thải nguy hại được dựa trên đặc tính của các loại chất thải phát sinh, xác định tính tương thích của chất thải để lựa chọn khu vực lưu giữ trong kho theo các khoang chứa riêng biệt;

+ Nhà khung thép tiền chế, tường xây gạch không nung, mái lợp tôn, cửa

thép đảm bảo kín khí;

- + Trong kho bố trí hệ thống chữa cháy, bình chữa cháy di động;
- + Gắn các biển cảnh báo nguy hiểm trong và ngoài kho chứa. Bố trí các bình cứu hỏa, phương tiện phòng ngừa ứng phó sự cố.

- + Chất thải nguy hại được thu gom và chứa vào 05 thùng chuyên dụng đựng chất thải nguy hại cho các mã, có nắp đậy để trong kho chứa chất thải riêng biệt. Các thùng phân loại chất thải nguy hại có tên, mã chất thải và biển cảnh báo đúng quy định.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý với tần suất 6 tháng/lần đảm bảo bàn giao chất thải đúng theo hợp đồng đã thỏa thuận ký kết và có chứng từ chất thải nguy hại.

- Định kỳ lập báo cáo gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để báo cáo vào tháng 1 hàng năm.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a. Giai đoạn xây dựng

- Bố trí thời gian thi công hợp lý. Không thi công hạng mục phát sinh tiếng ồn và độ rung lớn vào thời gian nghỉ trưa từ 11h30 ÷ 13h30 và ban đêm từ 22h ÷ 5h sáng hôm sau.

- Thường xuyên kiểm tra, sửa chữa các thiết bị giảm thanh (như ống xả...) trên các phương tiện thi công.

- Không sử dụng các phương tiện chở quá trọng tải nhằm hạn chế tiếng ồn, độ rung ảnh hưởng đến khu vực dân cư lân cận;

- Lắp đặt các tấm đệm làm bằng cao su hoặc xốp cho các thiết bị nhằm làm giảm chấn động do thiết bị gây nên.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động chống ồn cho công nhân.

b. Giai đoạn vận hành

- Thiết kế cách âm cho hạng mục karaoke, cụ thể:

- + Tường cách âm bằng khung xương thép nhẹ bề mặt vách tường thạch cao bên trong đặt bông thủy tinh hút âm tỷ trọng thấp;

- + Sử dụng loại cửa nguyên tấm, bên các cạnh cửa lót gioăng cao su ôm vào các khe cửa để không chừa ra những khe hở không khí và kết hợp các vật liệu...

- Tất cả các xe vận tải và máy móc, thiết bị cơ giới đưa vào sử dụng đạt tiêu chuẩn kỹ thuật quy định của Cục Đăng kiểm về mức độ an toàn và tiếng ồn, độ rung.

- Thường xuyên kiểm tra định kỳ, đảm bảo các máy bơm luôn trong tình trạng hoạt động tốt, tra dầu nhớt đầy đủ theo đúng hướng dẫn sử dụng của thiết bị.

- Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị máy móc, xe, đồng thời hạn chế sử dụng các loại xe cũ.

- Đảm bảo âm thoát ra từ phòng karaoke và các hoạt động của dự án đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Các biện pháp giảm thiểu sự cố ngập úng.

+ Định kỳ hàng năm nạo vét các tuyến mương để khơi thông dòng chảy, đảm bảo thoát nước tốt nhất.

+ Định kỳ hàng năm duy tu, sửa chữa hệ thống nắp chắn rác, hố ga, mương thoát nước.

- Phòng chống sự cố xử lý nước thải

+ Nhằm đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định cần phải thường xuyên tiến hành công tác bảo dưỡng.

+ Cắt điện ra khỏi thiết bị trong suốt thời gian của quá trình bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị.

+ Đối với hệ thống đường ống dẫn nước, thường xuyên kiểm tra rò rỉ, tắc nghẽn.

+ Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, các đối tượng xả nước, nước thải tiếp tục được bơm vào bể điều hoà và nhanh chóng khắc phục sự cố để đưa hệ thống trở lại hoạt động bình thường.

4.4.2. Các công trình, biện pháp khác

- Các biện pháp giảm thiểu của việc chiếm dụng đất: đã phối hợp với UBND xã Diên Ngọc trả tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho các hộ dân và tiến hành thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất trình HĐND tỉnh Nghệ An phê duyệt.

- Biện pháp giảm thiểu tác động đến đường giao thông nội đồng:

Tuyến đường giao thông nội đồng: có chiều dài 156,0m. Trong quá trình triển khai các thủ tục pháp lý cho dự án chủ đầu tư đã thỏa thuận với UBND xã Diên Ngọc tại Văn bản số 96/UBND xã ngày 08/9/2022 để xây dựng hệ thống đường giao thông hình chữ L chiều dài 230m, rộng 2,7m có điểm đầu đầu nối với đường nhựa phía Bắc, chạy dọc theo ranh giới phía Đông và phía Nam khu

đất rồi đầu nối điểm cuối với đường giao thông hiện trạng phía Nam dự án để hoàn trả lại đường giao thông khu vực cho UBND xã Diên Ngọc quản lý.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1 Quan trắc, giám sát môi trường giai đoạn xây dựng

Giám sát chất thải rắn:

- Vị trí giám sát: tại khu vực tập kết chất thải rắn.
- Nội dung giám sát: khối lượng chất thải rắn phát sinh; phân định, phân loại và quá trình thu gom, tập kết các loại chất thải rắn phát sinh.
- Tần suất giám sát: thường xuyên hàng ngày.

5.2. Quan trắc, giám sát môi trường giai đoạn vận hành thử nghiệm

Giám sát nước thải

- Tần suất quan trắc nước thải ít nhất là 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.
- Thông số quan trắc: pH, BOD₅, TSS, NH₄⁺, NO₃⁻, PO₄³⁻, dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, tổng coliform.
- Vị trí: nước thải đầu vào lấy tại hồ gom và nước thải đầu ra lấy sau hệ thống xử lý.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, cột A - Quy chuẩn kỹ thuật nước thải sinh hoạt.

5.3. Quan trắc, giám sát môi trường giai đoạn vận hành

a. Giám sát nước thải: dự án không thuộc phụ lục II của Nghị định 08/2022/NĐ-CP và có khối lượng nước thải phát sinh <500m³ nên không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ.

b. Giám sát chất thải rắn

- Vị trí giám sát: tại khu vực tập kết chất thải rắn.
- Nội dung giám sát: giám sát khối lượng phát sinh; phân định, phân loại các loại chất thải phát sinh để quản lý theo quy định.
- Tần suất giám sát: thường xuyên hàng ngày.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu sau:

6.1. Triển khai dự án sau khi cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển đổi mục đích đất lúa theo quy định.

6.2. Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, tài nguyên nước và bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động triển khai xây dựng và hoạt động dự án.

6.3. Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện khoanh định ranh giới dự án, xác định các địa bàn làm công trường thi công và đổ thải các loại bùn thải, phế liệu xây dựng phát sinh trong quá trình thực hiện dự án.

6.4. Lập và thực hiện phương án chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng cứu sự cố; tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, ứng cứu sự cố, an toàn giao thông đường bộ, quản lý đất đai và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

6.5. Lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường trước khi vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

6.6. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì, vận hành hiệu quả. Thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường, các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường khác như đã đề xuất; cập nhật, lưu giữ số liệu quan trắc, giám sát để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra khi cần thiết.

6.7. Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định (trừ các thông tin thuộc bí mật của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật) và cung cấp thông tin về môi trường theo quy định.

6.8. Xây dựng, thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố chất thải; tổ chức ứng phó sự cố chất thải tại cơ sở và tham gia ứng phó sự cố chất thải theo sự chỉ huy của cơ quan, người có thẩm quyền./.